

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Khung chương trình đào tạo Giáo dục Tiểu học theo định hướng
chất lượng cao, trình độ đại học**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐĐHTN ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng Đại học Thái Nguyên ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 1323/QĐ-ĐHTN ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định về đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm; Nghị quyết số 54/NQ-HĐT ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng trường, Trường Đại học Sư phạm về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều và sửa đổi phụ lục của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm ban hành kèm theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm; Nghị quyết số 18/NQ-HĐT ngày 02 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm ban hành kèm theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm;

Căn cứ Quyết định số 4748/QĐ-ĐHSP ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Sư phạm; Quyết định số 5479/QĐ-ĐHSP ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Sửa đổi một số điều trong Quy định đào tạo đại học của Trường Đại học Sư phạm ban hành theo Quyết định số 4748/QĐ-ĐHSP ngày 16 tháng 11 năm 2021; Quyết định số 624/QĐ-ĐHSP ngày 28 tháng 03 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm về việc sửa đổi một số điều trong Quy định đào tạo đại học của Trường Đại học Sư phạm ban hành theo Quyết định số 4748/QĐ-ĐHSP ngày 16 tháng 11 năm 2021 và Quyết định số 5479/QĐ-ĐHSP ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 91/QĐ-ĐHSP ngày 10 tháng 01 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định phát triển chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của Trường Đại học Sư phạm;

Theo đề nghị của Trường phòng Phòng Đào tạo.

Uant Nguyen



QUYẾT ĐỊNH:

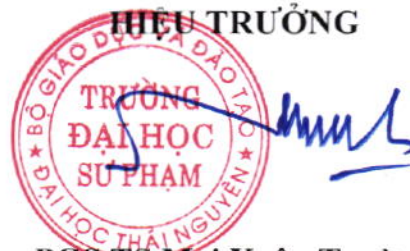
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo Giáo dục Tiểu học theo định hướng chất lượng cao, trình độ đại học của Trường Đại học Sư phạm (có Khung chương trình đào tạo kèm theo).

Điều 2. Khung chương trình đào tạo Giáo dục Tiểu học theo định hướng chất lượng cao, trình độ đại học ban hành kèm theo Quyết định này áp dụng đào tạo từ khoá 59 trở đi.

Điều 3. Trường phòng Phòng Đào tạo, các Trường đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- ĐHTN (để b/c);
- Như Điều 3 (để t/h);
- Website Trường;
- Lưu: ĐT, VT (02).



PGS.TS Mai Xuân Trường



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC K59

Tên chương trình: Sư phạm Giáo dục Tiểu học định hướng chất lượng cao

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Sư phạm Giáo dục Tiểu học

Mã ngành: 140202

(Ban hành theo Quyết định số: 2271 /QĐ-ĐHSP, ngày 16 tháng 8 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm).

TT	Mã số	Môn học	Số TC	Loại giờ tín chỉ					HP tiên quyết	HP học trước	Học kỳ dự kiến
				Lên lớp							
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành/ Thí nghiệm	Thảo luận/ Seminar	Thực tế CM			
1.	Kiến thức giáo dục đại cương		26								
1	59SPH131A	Triết học Mác - Lênin	3	32	10	6	10				1
2	59SPE121A	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	21	6	6	6			59SPH131A	2
3	59SSO121A	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	21	6	6	6			59SPE121A	3
4	59HCM121A	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21	6	6	6			59SSO121A	4
5	59HPV121A	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	6	6	6			59HCM121A	5
6	59EDL121A	Pháp luật đại cương	2	21	6	6	6				4
7	59ENG131A	Tiếng Anh 1	3	30	10	15	5				1
8	59ENG132A	Tiếng Anh 2	3	30	10	15	5			59ENG131A	2
9	59ENG143A	Tiếng Anh 3	4	40	15	20	5			59ENG132A	3
10	59GIF131A	Tin học đại cương	3	20	6	40	4				1
11	59PHE111	Giáo dục thể chất 1	2	4		36					2
12	59PHE112	Giáo dục thể chất 2	2	4		36					1
13	59PHE113	Giáo dục thể chất 3	2	4		36					3
14	59MIE131	Giáo dục quốc phòng		05 tuần tập trung							
2.	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		35								
Các học phần bắt buộc			29								
15	59VIE231A	Tiếng Việt 1	3	36	6	6	6				1
16	59VIE232A	Tiếng Việt 2	3	36	6	6	6			59VIE231A	2

Chức vụ
Định

TT	Mã số	Môn học	Số TC	Loại giờ tín chỉ					HP tiên quyết	HP học trước	Học kỳ dự kiến
				Lên lớp							
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành/ Thí nghiệm	Thảo luận/ Seminar	Thực tế CM			
17	59VIE233A	Tiếng Việt 3	3	36	6	6	6			59VIE231A 59VIE232A	3
18	59LIT241A	Văn học	4	48	8	8	8				3
19	59MAT231A	Toán học 1	3	36	6	6	6				1
20	59MAT232A	Toán học 2	3	36	6	6	6			59MAT231A	2
21	59NSA231A	Cơ sở Tự nhiên - Xã hội 1	3	36	6	6	6				1
22	59NSA232A	Cơ sở Tự nhiên - Xã hội 2	3	36	6	6	6			59NSA231A	2
23	59ENG244A	Tiếng Anh 4	4	30	20	20	20			59ENG143A	4
Các học phần tự chọn			6								
24	59OPO231A	Tổ chức hoạt động Đội và Sao Nhi đồng ở trường tiểu học	3	27	6	22	8				4
25	59LID231A	Ngôn ngữ học văn bản	3	36	6	6	6				6
26	59DTP231A	Phát triển chương trình giáo dục tiểu học	3	36	6	6	6				6
27	59PPH231A	Sinh lí trẻ tuổi tiểu học	3	36	2	8	8				4
28	59MSI231A	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục tiểu học	3	36	6	6	6				4
3. Kiến thức nghiệp vụ			63								
Các học phần bắt buộc			57								
29	59EPS431A	Tâm lý học giáo dục	3	30	6	16	8				2
30	59PEP431A	Giáo dục học	3	31	8	12	8			59EPS431A	3
31	59COS431A	Giao tiếp sư phạm	3	27	6	24	6			59EPS431A; 59PEP431A	6
32	59VTM441A	Phương pháp dạy học Tiếng Việt 1	4	46	6	6	4	12			5
33	59VTM442A	Phương pháp dạy học Tiếng Việt 2	4	46	6	6	4	12		59VTM441A	6
34	59MTM441A	Phương pháp dạy học Toán 1	4	46	6	6	4	12			5
35	59MTM432A	Phương pháp dạy học Toán 2	3	34	4	4	5	9		59MTM441A	6
36	59NST431A	Phương pháp dạy học Tự nhiên - Xã hội	3	34	4	4	5	9			5
37	59LIS431A	Đạo đức và phương pháp dạy học Đạo đức	3	34	4	4	5	9			5

*Chánh
Nguyễn*

TT	Mã số	Môn học	Số TC	Loại giờ tín chỉ					HP tiên quyết	HP học trước	Học kỳ dự kiến
				Lên lớp							
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành/ Thí nghiệm	Thảo luận/ Seminar	Thực tế CM			
38	59TME431A	Dạy học môn Toán ở tiểu học bằng tiếng Anh	3	34	4	4	5	9		59MTM441A	7
39	59TSE431A	Dạy học các môn khoa học ở tiểu học bằng tiếng Anh	3	34	4	4	5	9		59NSA231A 59NSA232A	7
40	59ITP431A	Dạy học tích hợp ở tiểu học	3	34	4	4	5	9			6
41	59ALR431A	Kiểm tra và đánh giá ở tiểu học	3	34	4	4	5	9			7
42	59EAP431A	Hoạt động trải nghiệm ở trường tiểu học	3	34	4	4	5	9			4
43	59AIT431A	Ứng dụng CNTT trong dạy học ở tiểu học	3	36	6	6	6				7
44	59PEP421A	Thực hành sư phạm Giáo dục Tiểu học 1	2	8		44					4
45	59PEP442A	Thực hành sư phạm Giáo dục Tiểu học 2	4			120					7
46	59MIP441A	Phương pháp dạy học Tin học và Công nghệ ở tiểu học	4	46	6	6	4	12			6
47	59TRA421A	Thực tập sư phạm 1	2	03 tuần ở Trường Tiểu học							5
48	59TRA432A	Thực tập sư phạm 2	3	07 tuần ở Trường Tiểu học							8
Các học phần tự chọn			6								
49	59ENG435A	Tiếng Anh chuyên ngành giáo dục tiểu học	3	25	20	20	0				6
50	59EEP431A	Giáo dục môi trường cho học sinh tiểu học	3	36	6	6	6				6
51	59WSP431A	Rèn kỹ năng làm văn cho HS tiểu học	3	36	6	6	6				4
52	59IEE431A	Đổi mới sáng tạo và giáo dục khởi nghiệp	3	32	10	6	10				4
4. Khóa luận tốt nghiệp			6								
53	59PED904A	Khóa luận tốt nghiệp	6								8
Các học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp			6								

Chữ ký
Nguyễn Văn A

TT	Mã số	Môn học	Số TC	Loại giờ tín chỉ					HP tiên quyết	HP học trước	Học kỳ dự kiến
				Lên lớp							
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành/ Thí nghiệm	Thảo luận/ Seminar	Thực tế CM			
54	59STM931A	Chuyên đề Phương pháp dạy học Toán ở Tiểu học	3	34	4	4	5	9			8
55	59STV931A	Chuyên đề Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học	3	34	4	4	5	9			8
56	59SSL931A	Chuyên đề Văn	3	36	6	6	6				8
57	59SSV931A	Chuyên đề Tiếng Việt	3	36	6	6	6				8
58	59SSE931A	Chuyên đề giáo dục STEM	3	36	6	6	6				8
59	59SIM931A	Chuyên đề giải toán ở Tiểu học	3	34	4	4	5	9			8
Tổng cộng			130								

Ghi chú: Tổng số 130 tín chỉ (không bao gồm các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng).

Handwritten signature

